

BÁO CÁO KẾT QUẢ - ĐẤU TRƯỜNG VIOEDU PHƯỜNG GIẢNG VỖ  
TỔNG 12 VÒNG SƠ LOẠI MÔN TIẾNG ANH

Năm học: 2025-2026

| Thứ<br>hạng | Tên đăng<br>nhập | Họ Tên                | Lớp | Số<br>câu<br>đúng | Số<br>câu<br>sai | Số<br>giây | Đủ 180 điểm |
|-------------|------------------|-----------------------|-----|-------------------|------------------|------------|-------------|
| 3           | tca1-0262322     | Hồ Sỹ Hùng            | 1a1 | 353               | 7                | 3786       | Có          |
| 5           | tca1-0262352     | Trần Thùy Dương       | 1a2 | 353               | 7                | 5218       | Có          |
| 16          | tca1-0262366     | Vũ Đức Hiếu           | 1a2 | 347               | 13               | 5506       | Có          |
| 55          | tca1-0262332     | Phan Minh Nhật        | 1a1 | 323               | 35               | 8105       | Có          |
| 58          | tca1-2443        | Nguyễn Từ Minh Nhật   | 1a5 | 322               | 8                | 8285       | Có          |
| 65          | tca1-0262404     | Nguyễn Yến Dương      | 1a4 | 318               | 12               | 7082       | Có          |
| 99          | tca1-2548        | Vũ Hoài An            | 1a3 | 296               | 34               | 7796       | Có          |
| 124         | tca1-0262417     | Phạm Thảo Chi         | 1a5 | 275               | 55               | 4925       | Có          |
| 155         | tca1-0262324     | Trương Tuấn Hưng      | 1a1 | 255               | 15               | 3758       | Có          |
| 161         | tca1-0262542     | Đặng Trúc Linh        | 1a3 | 251               | 19               | 2777       | Có          |
| 189         | tca1-2470        | Hoàng Bảo Nam         | 1a6 | 231               | 9                | 4549       | Có          |
| 192         | tca1-2394        | Nguyễn Tú Quỳnh       | 1a2 | 226               | 42               | 4792       | Có          |
| 281         | vuducnguyen180   | Vũ Đức Nguyên         | 1a5 | 147               | 33               | 3785       | Không       |
| 282         | tca1-0262326     | Phí Hữu Minh Khang    | 1a1 | 146               | 4                | 2761       | Không       |
| 298         | tca1-0262336     | Nguyễn Mạnh Trường    | 1a1 | 141               | 39               | 3950       | Không       |
| 307         | tca1-0262328     | Đinh Tuệ Linh         | 1a1 | 135               | 15               | 2076       | Không       |
| 325         | tca1-12345       | Nguyễn Hoàng Minh Trí | 1a3 | 116               | 27               | 4537       | Không       |
| 326         | tca1-0262410     | Nguyễn Minh An        | 1a4 | 115               | 5                | 3121       | Không       |
| 339         | tca1-123         | Nguyễn Ngọc Anh       | 1a3 | 111               | 9                | 2055       | Không       |
| 351         | tca1-2446        | Nguyễn Hoàng Đức Trí  | 1a5 | 106               | 33               | 4231       | Không       |
| 381         | tca1-0262427     | Nguyễn Khánh Hà       | 1a5 | 85                | 5                | 1539       | Không       |
| 385         | tca1-0262425     | Nguyễn Minh Đức       | 1a5 | 85                | 5                | 2792       | Không       |
| 405         | tca1-0262544     | Lương Quỳnh Vy        | 1a3 | 79                | 11               | 2078       | Không       |
| 435         | tca1-2481        | Khúc Thành Vinh       | 1a6 | 59                | 1                | 651        | Không       |
| 462         | tca1-0262402     | Nguyễn Đăng Quân      | 1a3 | 57                | 37               | 2215       | Không       |
| 466         | tca1-2474        | Lê Hoàng Khôi Nguyên  | 1a6 | 56                | 4                | 1340       | Không       |
| 486         | tca1-0262334     | Hoàng An Nhiên        | 1a1 | 52                | 8                | 1152       | Không       |
| 507         | tca1-0262400     | Nguyễn Tùng An        | 1a3 | 45                | 33               | 1907       | Không       |

|     |              |                    |     |    |    |      |       |
|-----|--------------|--------------------|-----|----|----|------|-------|
| 515 | tca1-2431    | Lê Trung Hiếu      | 1a5 | 42 | 15 | 1513 | Không |
| 547 | tca1-2480    | Đặng Lê Thanh Trà  | 1a6 | 29 | 1  | 746  | Không |
| 638 | tca1-2624    | Lê Phúc Lâm        | 1a1 | 24 | 5  | 399  | Không |
| 646 | tca1-2483    | Ngô Vũ Nhật Minh   | 1a1 | 24 | 36 | 969  | Không |
| 649 | tca1-0262338 | Bùi Linh Anh       | 1a1 | 23 | 7  | 283  | Không |
| 653 | tca1-0262392 | Hoàng Minh Quang   | 1a2 | 23 | 7  | 762  | Không |
| 674 | tca1-2472    | Nguyễn Minh Ngọc   | 1a6 | 19 | 11 | 410  | Không |
| 689 | tca1-2460    | Nguyễn Ngọc Hà     | 1a6 | 15 | 5  | 365  | Không |
| 702 | tca1-0262348 | Kiều Hoàng Bách    | 1a2 | 10 | 14 | 225  | Không |
| 705 | tca1-2463    | Bùi Thị Minh Huyền | 1a6 | 8  | 3  | 124  | Không |
| 740 | tca1-0262421 | Vũ Hà Chi          | 1a5 | 0  | 1  | 20   | Không |
| 749 | tca1-0262342 | Lê Khánh An        | 1a2 | 0  | 0  | 0    | Không |